Số: 74/2026/VBHN-BNNMT
Thời gian ký: 2026-08-04T10:46:50+07:00

# Phụ lục VIII

## CÁC MẪU THAY THẾ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường )*

| STT | Ký hiệu | Tên mẫu |
|---|---|---|
| 1 | Mẫu số 01 | Bảng kê lâm sản |
| 2 | Mẫu số 07 | Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường (áp dụng cho tổ chức) |
| 3 | Mẫu số 08 | Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường (áp dụng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư) |
| 4 | Mẫu số 09 | Đề nghị phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thông thường |
| 5 | Mẫu số 11 | Quyết định phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường |

**Mẫu số 01. Bảng kê lâm sản**

| | |
|---|---|
| ..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số[1]: ...../...../BKLS *Tờ số[2]: ..... Tổng số tờ: .....*

# BẢNG KÊ LÂM SẢN

Mã QR[3]

**1. Thông tin chủ lâm sản:**

- Tên chủ lâm sản[4]: .....
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC[5]: .....
- Địa chỉ[6]: .....
- Số điện thoại: .....; Địa chỉ email: .....

**2. Thông tin tổ chức, cá nhân mua/nhận chuyển giao quyền sở hữu:**

- Tên tổ chức, cá nhân[4]: .....
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC[5]: .....
- Địa chỉ[6]: .....
- Số điện thoại: .....; Địa chỉ email: .....

**3. Thông tin về lâm sản:**

- Tên loài (tên khoa học, tên tiếng Việt hoặc tên thương mại): .....
- Nhóm loài (Thông thường; Nhóm IA, IIA, IB, IIB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; Phụ lục I, II, III CITES): .....
- Nguồn gốc[7]: .....
- Mã HS (áp dụng đối với lâm sản nhập khẩu, xuất khẩu): .....
- Giá trị (nếu có): .....
- Khối lượng/trọng lượng (bằng số và chữ: ...): .....; Đơn vị tính ($m^3$, kg, ster, lít, mililit): .....
- Số lượng (bằng số và chữ: ...): .....; Đơn vị tính (lóng, khúc; thanh, tấm, hộp, viên, cây,...): .....
- Thông tin về lô khai thác[8]: .....

- Thông tin khác có liên quan (nếu có): .....

**4. Thông tin chi tiết tại Bảng kê khai kèm theo** (Áp dụng đối với: gỗ nguyên liệu, sản phẩm gỗ, cây thân gỗ khai thác từ rừng tự nhiên hoặc nhập khẩu hoặc thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES; động vật rừng thông thường và sản phẩm của chúng; động vật và sản phẩm của động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc Phụ lục CITES).

**5. Thông tin vận chuyển (nếu có):** Biển kiểm soát/ số hiệu phương tiện: ...; thời gian vận chuyển: ... ngày; từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...; vận chuyển từ: ... đến: .....

**6. Hồ sơ kèm theo (nếu có):**

Chúng tôi/Tôi cam kết những nội dung kê khai trong bảng kê này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin./.

| | |
|---|---|
| *..., ngày ... tháng ... năm ...*<br>**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN** (9)<br>Vào sổ số: .../...<br>*(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | *..., ngày... tháng ... năm ...*<br>**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LẬP BẢNG KÊ**<br>*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)* |

# BẢNG KÊ CHI TIẾT

*(Kèm theo Bảng kê lâm sản số:……/BKLS ngày.../.../..... của ……)*

## 1. Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu:

| TT | Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có) | Tên gỗ | | | | Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván | | | Số lượng (thanh/ tấm/ lóng) | Khối lượng/ trọng lượng ($m^3$ hoặc kg) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên tiếng Việt/ tên thương mại | Tên tiếng Anh (nếu có) | Tên khoa học(11) | Nhóm loài(10) | Dài | Rộng | Đường kính hoặc chiều dày | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | |
| … | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| Tổng: | | | | | | | | | | | |

## 2. Thông tin chi tiết sản phẩm gỗ:

| TT | Tên sản phẩm gỗ | Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có) | Đơn vị tính | Tên gỗ | | | Số lượng sản phẩm | Khối lượng/ trọng lượng ($m^3$ hoặc kg) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tên tiếng Việt/ tên thương mại | Tên khoa học(11) | Nhóm loài(10) | | | |
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| … | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| Tổng: | | | | | | | | | |

## 3. Thông tin chi tiết đối với cây thân gỗ:

| TT | Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có) | Tên gỗ | | | | Quy cách | | Số lượng | Khối lượng ước tính ($m^3$) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên tiếng Việt/ tên thương mại | Tên tiếng Anh (nếu có) | Tên khoa học(11) | Nhóm loài(10) | Dài | Đường kính gốc | | | |
| 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| … | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| Tổng: | | | | | | | | | | |

## 4. Thông tin chi tiết đối với động vật rừng thông thường, động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, động vật thuộc Phụ lục CITES:

| TT | Tên loài | | Số lượng cá thể, trứng[12] | | | | Khối lượng | Thế hệ[13] | Nguồn gốc[7] | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên tiếng Việt/ tên thương mại (nếu có) | Tên khoa học[11] | Đực | Cái | Không xác định được | Tổng | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| … | | | | | | | | | | |
| Tổng: | | | | | | | | | | |

**5. Thông tin chi tiết đối với sản phẩm của động vật rừng thông thường, động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES:**

| TT | Tên loài | | Mô tả | | Số lượng | Thế hệ[13] | Nguồn gốc[7] | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên tiếng Việt/ tên thương mại (nếu có) | Tên khoa học[11] | Tên sản phẩm | Kích thước | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| … | | | | | | | | |
| Tổng: | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

a) Chủ lâm sản phải lập Bảng kê chi tiết đối với: gỗ nguyên liệu, sản phẩm gỗ, cây thân gỗ khai thác từ rừng tự nhiên hoặc nhập khẩu hoặc thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES; động vật rừng thông thường và sản phẩm của chúng; động vật và sản phẩm của động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc Phụ lục CITES.

- Ghi chi tiết đối với khúc, lóng gỗ tròn, gỗ đẽo tròn có kích thước theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư này; gỗ xẻ, gỗ đẽo hộp có chiều dài từ 1m trở lên, chiều rộng từ 20 cm trở lên, chiều dày từ 5 cm trở lên; đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc gỗ thuộc Phụ lục CITES không phân biệt kích thước.

- Ghi tổng hợp chung số lượng, khối lượng đối với gỗ tròn không đủ kích thước quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư này; gỗ xẻ, gỗ đẽo hộp có chiều dài dưới 1m, chiều rộng dưới 20 cm, chiều dày dưới 5 cm; gỗ rừng trồng; gỗ bóc hoặc gỗ lạng, ván ép hoặc các loại ván công nghiệp khác; dăm gỗ (dăm mảnh, dăm nghiền) và phụ phẩm gỗ phát sinh trong quá trình chế biến như: mùn cưa, vỏ cây, đầu mẩu, bìa bắp và dăm bào.

- Ghi chi tiết hoặc ghi tổng hợp chung số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản ngoài gỗ phù hợp với thực tế.

b) Trường hợp Bảng kê chi tiết có nhiều trang thì tại cuối mỗi trang ghi tổng khối lượng lâm sản.

(1) Ghi số thứ tự theo số Bảng kê lâm sản đã lập trong năm; Ví dụ 001/2023: 001 là số thứ tự bảng kê đã lập; 2023 là năm xác nhận.

(2) Ghi số thứ tự tờ bảng kê, tổng số tờ của bảng kê.

(3) Mã phản hồi nhanh (QR) tích hợp vào Bảng kê lâm sản chứa đựng thông tin hồ sơ lâm sản mua bán/chuyển giao quyền sở hữu liền kề trước đó hoặc phương án khai thác gỗ (nếu có).

(4) Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) theo đúng tên trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ mã số doanh nghiệp/ giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động đối với tổ chức hoặc đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

(5) Ghi số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ mã số doanh nghiệp/ giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/ chứng minh nhân dân/ hộ chiếu đối với cá nhân.

(6) Ghi địa chỉ tổ chức theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động; ghi địa chỉ thường trú của cá nhân theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu.

(7) Ghi rõ và đầy đủ nguồn gốc của từng loại lâm sản, gỗ, động vật, sản phẩm của động vật như sau:

- Nếu động vật hoặc sản phẩm của động vật có nguồn gốc nhập khẩu, ghi: tờ khai hải quan số…., ngày…. tháng …. năm …. của …. (ghi tên của tổ chức, cá nhân nhập khẩu). Trường hợp động vật, sản phẩm động vật thuộc Phụ lục CITES, ghi thêm: số giấy phép CITES nhập khẩu và ngày cấp (nếu có); Số giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu, ngày cấp và quốc gia cấp (trường hợp mẫu vật nhập khẩu đã được giấy phép CITES nhập khẩu thì không phải ghi các thông tin này).

- Nếu gỗ của loài thông thường được nhập khẩu vào Việt Nam, ghi: số Bảng kê gỗ nhập khẩu, tờ khai hải quan số…., ngày…. tháng …. năm …. của …. (ghi tên của tổ chức, cá nhân nhập khẩu).

- Nếu động vật hoặc sản phẩm của động vật từ cơ sở nuôi sinh trưởng, ghi: nuôi sinh trưởng tại …. (tên cơ sở nuôi), có địa chỉ tại … (địa chỉ cơ sở nuôi). Mã số cơ sở nuôi (nếu thuộc trường hợp phải có mã số cơ sở nuôi) ……., được cấp ngày … tháng … năm ….

- Nếu động vật hoặc sản phẩm của động vật từ cơ sở nuôi sinh sản, ghi: nuôi sinh sản tại … (tên cơ sở nuôi), có địa chỉ tại …. (địa chỉ cơ sở nuôi). Mã số cơ sở nuôi (nếu thuộc trường hợp phải có mã số) …, được cấp ngày … tháng … năm ….

- Nếu động vật hoặc sản phẩm của động vật từ cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, ghi: nuôi tại … (tên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học), có địa chỉ tại …. (địa chỉ cơ sở nuôi). Quyết định cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học số …… ……., được cấp ngày … tháng … năm ……

- Nếu động vật rừng thông thường từ cơ sở nuôi, ghi: nuôi tại …. (tên cơ sở nuôi) có địa chỉ tại ... (địa chỉ cơ sở nuôi).

- Nếu gỗ, thực vật ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc Phụ lục CITES từ cơ sở trồng cấy nhân tạo, ghi: trồng cấy nhân tạo tại …. (tên cơ sở nuôi) có địa chỉ tại …. (địa chỉ cơ sở trồng). Mã số cơ sở trồng (nếu thuộc trường hợp phải có mã số)…, được cấp ngày … tháng … năm ….

- Nếu động vật hoặc sản phẩm của động vật, gỗ, thực vật ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc Phụ lục CITES khai thác từ tự nhiên trong nước, ghi: khai thác tại … (địa danh khai thác ghi theo xã, tỉnh) và số Quyết định phê duyệt Phương án khai thác … do … (tên cơ quan ban hành) ban hành ngày …. tháng… năm ….; Bảng kê lâm sản sau khai thác số …., ngày ……..

- Nếu động vật rừng thông thường, sản phẩm của động vật rừng thông thường khai thác từ tự nhiên trong nước, ghi: khai thác tại … (địa danh khai thác ghi theo xã, tỉnh) và được …. (tên cơ quan Kiểm lâm sở tại) phê duyệt phương án khai thác ngày …. tháng… năm ….; Bảng kê lâm sản sau khai thác số …., ngày ……..

- Nếu gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường có nguồn gốc từ khai thác trong nước, ghi: Bảng kê lâm sản sau khai thác số …., ngày …… Trường hợp phải phê duyệt phương án khai thác theo quy định tại Mục 1 Chương II Thông tư này, ghi thêm Quyết định phê duyệt phương án khai thác số …., ngày ban hành và cơ quan ban hành;

- Nếu lâm sản, động vật, thực vật, gỗ có nguồn gốc sau xử lý tịch thu, ghi: Quyết định phê duyệt

phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân số … do …. (tên cơ quan ban hành) ban hành ngày … tháng … năm …; số Bảng kê lâm sản do cơ quan được giao xử lý tài sản lập và tên cơ quan lập.

- Trường hợp đã liệt kê nguồn gốc tại bảng kê chi tiết, nội dung nguồn gốc tại Mục 3 của Bảng kê lâm sản ghi: nguồn gốc tại bảng kê chi tiết kèm theo.

(8) Áp dụng đối với trường hợp sau khai thác gỗ có nguồn gốc trong nước: ghi mã số rừng trồng sản xuất đối với lô rừng đã được cấp mã và thông tin kinh độ, vĩ độ đối với lô khai thác theo phương án khai thác.

(9) Cơ quan Kiểm lâm sở tại thực hiện xác nhận Bảng kê lâm sản cho các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này; đóng dấu giáp lai trong trường hợp Bảng kê lâm sản có từ hai (02) trang trở lên (trừ trường hợp lập Bảng kê lâm sản và xác nhận trên môi trường điện tử). Trường hợp Bảng kê không thuộc đối tượng phải xác nhận, tổ chức, cá nhân lập Bảng kê lâm sản không phải thể hiện nội dung này trong Bảng kê lâm sản.

(10) Ghi PLI đối với gỗ thuộc Phụ lục I CITES; ghi PLII đối với gỗ thuộc Phụ lục II CITES; ghi PLIII đối với gỗ thuộc Phụ lục III CITES; ghi IA đối với gỗ của loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA; ghi IIA đối với gỗ của loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA; ghi TT đối với gỗ thuộc loài thông thường.

(11) Ghi tên khoa học của loài. Trường hợp sản phẩm gỗ, sản phẩm động vật sử dụng gỗ nguyên liệu hỗn hợp hoặc chế biến từ nhiều loài thì ghi lần lượt tên khoa học của loài theo thứ tự ưu tiên sau: Tên loài gỗ, động vật thuộc Phụ lục CITES; tên loài gỗ, động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm; tên loài gỗ, động vật rừng thông thường. Trường hợp sản phẩm gỗ, sản phẩm động vật được chế biến từ nhiều loài trong cùng nhóm (Phụ lục CITES, loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc động vật rừng thông thường), ghi tên loài gỗ, động vật chiếm tỉ lệ cao nhất trong sản phẩm trước, sau đó đến loài gỗ, động vật chiếm tỉ lệ thấp hơn.

(12) Trường hợp là cá thể động vật thì "Số lượng cá thể, trứng" ghi thành "Số lượng cá thể". Trường hợp là trứng động vật thì "Số lượng cá thể, trứng" ghi thành "Số lượng trứng" và số lượng trứng ghi vào cột tổng. Trường hợp không thể xác định được số lượng cá thể động vật/số lượng trứng thì không ghi vào cột này.

(13) Đối với từng cá thể động vật hoặc sản phẩm động vật ghi rõ là thế hệ F0, F1 hoặc từ thế hệ F2 trở về sau và chỉ áp dụng cho các trường hợp mua bán, vận chuyển, chuyển giao quyền sở hữu, xuất khẩu động vật, sản phẩm của động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc Phụ lục CITES vì mục đích thương mại từ các cơ sở nuôi sinh sản.

**Mẫu số 07: Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường (áp dụng cho tổ chức)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC(*)
## ..... (1)

## I. THÔNG TIN CHỦ RỪNG

1. Tên chủ rừng (2):.....

2. Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ(3).....

3. Địa chỉ chủ rừng (4):.....

4. Số điện thoại:.....; địa chỉ email:.....

5. Thông tin về mã số rừng sản xuất là rừng trồng hoặc chứng chỉ quản lý rừng bền vững đã được cấp (nếu có) (5):.....

## II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ xây dựng phương án (6):.....

2. Đối tượng khai thác (7):.....

3. Địa danh, diện tích khai thác (8):.....

4. Phương thức khai thác(9):.....

5. Hình thức khai thác (10):.....

6. Sản lượng dự kiến khai thác(11): gỗ.....$m^3$; củi hoặc sản phẩm khác.... ster/$m^3$.

Thực vật rừng ngoài gỗ:.....tấn; hoặc .....cây (nếu xác định được).

Số cây.....và sản lượng dự kiến..... $m^3$ đối với những cây rừng áp dụng hình thức đào, nhổ toàn bộ thân cây.

7. Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển (12).....

8. Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng (13):.....

9. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác (14):.....

10. Dự kiến chi phí khai thác (15):.....

11.Thời gian dự kiến khai thác: từ ngày...tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm(16).....

*....., ngày..... tháng..... năm.....*

**CHỦ RỪNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Ghi chú:***

(*) Mẫu này do chủ rừng, chủ lâm sản, hoặc tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc được chủ rừng ủy quyền (viết tắt là chủ rừng) sử dụng khi lập Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường.

**I. THÔNG TIN CHỦ RỪNG**

(1) Ghi trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 7 Điều 6 Thông tư này.

(2) Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có. Trường hợp phương án khai thác do tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc được chủ rừng ủy quyền lập thì ghi tên chủ rừng hoặc danh sách các chủ rừng kèm theo Phương án khai thác (nếu nhiều chủ rừng) kèm theo thông tin ở mục 2, 3, 4 và 5.

(3) Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động.

(4) Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động.

(5) Ghi mã số rừng trồng, ngày cấp hoặc số giấy chứng nhận của chứng chỉ quản lý rừng bền vững, tên tổ chức cấp (nếu có).

**II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**

(6) Ghi thông tin các văn bản quy phạm pháp luật chính và các tài liệu pháp lý liên quan.

(7) Ghi đối tượng khai thác quy định tại khoản 2 hoặc khoản 7 Điều 6 Thông tư này: đối với khai thác rừng trồng ghi thông tin loài cây trồng, năm trồng, cơ quan phê duyệt nguồn vốn (nếu xác định).

(8) Ghi các thông tin sau: (i) Địa danh khu vực khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã); (ii) Thông tin tọa độ điểm (kinh độ, vĩ độ) tại vị trí giữa lô khai thác đối với lô rừng nhỏ hơn 04 ha hoặc thông tin tọa độ tối thiểu tại 04 đỉnh đa giác (kinh độ và vĩ độ) đối với lô khai thác lớn hơn hoặc bằng 04 ha trên hệ tọa độ VN 2000 hoặc hệ tọa độ WGS84 định dạng *.GeoJSON.

Thống kê diện tích khai thác theo từng lô khai thác, khoảnh, tiểu khu, xã.

(9) Ghi phương thức khai thác: Khai thác chọn, khai thác trắng toàn bộ, khai thác trắng theo băng, khai thác trắng theo đám.

(10) Ghi hình thức khai thác: Chặt hạ hoặc hoặc đào, nhổ toàn bộ cây rừng (bao gồm các bộ phận của cây), vận chuyển ra khỏi rừng

(11) Sản lượng dự kiến khai thác:

- Đối với khai thác tận thu gỗ thống kê số lóng, khúc gỗ tận thu, đo đếm ước tính khối lượng dự kiến khai thác ($m^3$).

- Đối với khai thác thực vật rừng ngoài gỗ thống kê ghi khối lượng khai thác (tấn, kg) hoặc số lượng cây đối với cây họ tre, nứa.

- Đối với khai thác chính, khai thác tận dụng gỗ, việc xác định trữ lượng gỗ dự kiến khai thác thông qua việc đo đếm trực tiếp cây khai thác hoặc thông qua lập ô tiêu chuẩn điển hình, mỗi lô rừng khai thác lập 3 ô tiêu chuẩn, nếu diện tích lô khai thác không đủ lập đủ 3 ô tiêu chuẩn thì đo đếm toàn bộ cây trong lô. Diện tích ô tiêu chuẩn là 1000 $m^2$ đối với rừng tự nhiên. Diện tích ô tiêu chuẩn từ 100 $m^2$ đến 500 $m^2$ đối với rừng trồng, đảm bảo số lượng đo đếm tối thiểu 30 cây.

Tuỳ theo đặc tính loài cây khai thác, đường kính cây gỗ, điều kiện địa hình, cự ly vận chuyển, chủng loại sản phẩm, khả năng tiêu thụ và quy định về tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi thực tế tại địa phương để tính toán sản lượng dự kiến khai thác. Trường hợp địa phương chưa quy định tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi thì áp dụng tỷ lệ lợi dụng như sau:

+ Đối với gỗ rừng tự nhiên: Tỷ lệ lợi dụng thể tích gỗ thân cây bình quân từ 55% trở lên; tỷ lệ còn lại là củi hoặc sản phẩm khác xác định theo điều kiện thực tế.

+ Đối với gỗ rừng trồng: Tỷ lệ lợi dụng thể tích gỗ thân cây bình quân từ 70% trở lên; tỷ lệ còn lại là củi hoặc sản phẩm khác xác định theo điều kiện thực tế.

+ Trường hợp khai thác tận dụng theo hình thức đào, nhổ toàn bộ cây rừng: thống kê số lượng cây; đo đường kính, chiều cao và xác định thể tích từng cây khai thác, đối với bộ phận thể tích gốc cây dưới mặt đất được ước tính bằng 05% thể tích phần thân cây; xác định sản lượng cây khai thác.

+ Sản lượng gỗ dự kiến được tính bằng trữ lượng cây khai thác nhân với tỷ lệ lợi dụng gỗ.

Đơn vị tính sản lượng khai thác là: $m^3$, ster, kg hoặc số lượng mẫu vật.

(12) Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển, bãi gỗ: .... km đường mở mới;.....km đường sử dụng hệ thống đường sẵn có;.....$m^2$ bãi gỗ (tùy theo địa hình, khối lượng và kích thước gỗ khai thác, khả năng về trang thiết bị kỹ thuật để lựa chọn phương án và các loại hình vận xuất hợp lý, sao cho vừa đạt hiệu quả kinh tế, vừa hạn chế tác động xấu đến xói mòn đất, cây tái sinh; hạn chế mở mới).

(13) Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng: Nêu rõ các biện pháp như: băm dập cành ngọn sau khai thác…

(14) Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác: Nêu rõ các giải pháp thực hiện như: vệ sinh rừng, trồng lại rừng.

(15) Áp dụng với khai khai thác rừng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu.

(16) Ghi thời gian bắt đầu và kết thúc khai thác dự kiến.

**Mẫu số 08: Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường (áp dụng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

## PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC(*)

……..(1)

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chủ rừng(2):.....

2. CCCD/HC (3):.....

3. Địa chỉ chủ rừng (4):.....

4. Số điện thoại:..... ……..

5. Thông tin về mã số rừng sản xuất là rừng trồng, hoặc chứng chỉ quản lý rừng bền vững (nếu có) (5):……...

### II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ xây dựng phương án (6):.....

2. Đối tượng khai thác (loại rừng, rừng trồng, rừng tự nhiên) (7):.....

3. Địa danh, diện tích khai thác(8):.....

4. Phương thức khai thác (9):.....

5. Hình thức khai thác (10):……..

6. Sản lượng dự kiến khai thác (11): gỗ……. $m^3$; củi hoặc sản phẩm khác.... kg hoặc ster. Thực vật rừng ngoài gỗ:.....tấn; hoặc ..... cây (nếu xác định được).

Số cây.....và sản lượng dự kiến..... $m^3$ đối với những cây rừng áp dụng hình thức đào, nhổ toàn bộ thân cây

7. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác (12):.....

8. Dự kiến chi phí khai thác (13):……

9. Thời gian dự kiến khai thác: từ ngày.....tháng……năm…..đến ngày.....tháng…..năm(14)…

*....., ngày.... tháng..... năm.....*

**CHỦ RỪNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

(*) Mẫu này do chủ rừng, chủ lâm sản là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư hoặc cá nhân được ủy quyền (viết tắt là chủ rừng) sử dụng khi lập Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường.

**I. THÔNG TIN CHỦ RỪNG**

(1) Ghi trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 7 Điều 6 Thông tư này.

(2) Ghi họ tên đầy đủ của chủ rừng.

(3) Ghi Số căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ rừng hoặc đại diện hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

(4) Ghi rõ địa chỉ của chủ rừng.

(5) Ghi mã số vùng trồng, ngày cấp hoặc số giấy chứng nhận của chứng chỉ quản lý rừng bền vững, tên tổ chức cấp (nếu có).

**II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**

(6) Ghi thông tin các văn bản quy phạm pháp luật chính và các tài liệu pháp lý liên quan.

(7) Ghi đối tượng khai thác quy định tại khoản 2 hoặc khoản 7 Điều 6 Thông tư này: đối với khai thác rừng trồng ghi loài cây trồng, năm trồng.

(8) Ghi các thông tin sau: (i) Địa danh khu vực khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã); (ii) Thông tin tọa độ điểm (kinh độ, vĩ độ) tại vị trí giữa lô khai thác đối với lô rừng nhỏ hơn 04 ha hoặc thông tin tọa độ tối thiểu tại 04 đỉnh đa giác (kinh độ và vĩ độ) đối với lô khai thác lớn hơn hoặc bằng 04 ha trên hệ tọa độ VN 2000 hoặc hệ tọa độ WGS84 định dạng *.GeoJSON.

Thống kê diện tích khai thác theo từng lô khai thác, khoảnh, tiểu khu, xã.

(9) Ghi phương thức khai thác: Khai thác chọn, khai thác trắng toàn bộ, khai thác trắng theo băng, khai thác trắng theo đám.

(10) Ghi hình thức khai thác: Chặt hạ hoặc hoặc đào, nhổ toàn bộ cây rừng (bao gồm các bộ phận của cây), vận chuyển ra khỏi rừng

(11) Sản lượng dự kiến khai thác:

- Đối với khai thác tận thu gỗ: thống kê số lóng, khúc gỗ tận thu, đo đếm ước tính khối lượng dự kiến khai thác ($m^3$).Đối với khai thác thực vật rừng ngoài gỗ: thống kê ghi khối lượng khai thác (tấn, kg) hoặc số lượng cây đối với cây họ tre, nứa.

- Đối với khai thác chính, khai thác tận dụng gỗ, việc xác định trữ lượng dự kiến khai thác thông qua việc đo đếm trực tiếp cây khai thác hoặc thông qua lập ô tiêu chuẩn điển hình hoặc tùy điều kiện thực tế tại địa phương để ước tính sản lượng gỗ khai thác.

Tuỳ theo đặc tính loài cây khai thác, đường kính cây gỗ, điều kiện địa hình, cự ly vận chuyển, chủng loại sản phẩm, khả năng tiêu thụ và quy định về tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi thực tại địa phương để tính toán sản lượng dự kiến khai thác. Trường hợp địa phương chưa quy định tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi thì áp dụng tỷ lệ lợi dụng như sau:

+ Đối với gỗ rừng tự nhiên: Tỷ lệ lợi dụng thể tích gỗ thân cây bình quân từ 55% trở lên; tỷ lệ còn lại là củi hoặc sản phẩm khác xác định theo điều kiện thực tế.

+ Đối với gỗ rừng trồng: Tỷ lệ lợi dụng thể tích gỗ thân cây bình quân từ 70% trở lên; tỷ lệ còn lại là củi hoặc sản phẩm khác xác định theo điều kiện thực tế.

+ Trường hợp khai thác theo hình thức đào, nhổ toàn bộ cây rừng: thống kê số lượng cây; đo đường kính, chiều cao và xác định thể tích từng cây khai thác, đối với bộ phận thể tích gốc cây dưới mặt đất được ước tính bằng 05% thể tích phần thân cây, xác định sản lượng cây khai thác

+ Sản lượng gỗ dự kiến được tính bằng trữ lượng cây khai thác nhân với tỷ lệ lợi dụng gỗ.

Đơn vị tính sản lượng khai thác là: kg, $m^3$, ster hoặc số lượng mẫu vật.

(12) Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác: Nêu rõ các giải pháp thực hiện như: vệ sinh rừng, trồng lại rừng.

(13) Áp dụng với khai khai thác rừng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu.

(14) Ghi thời gian bắt đầu và kết thúc khai thác dự kiến.

**Mẫu số 09: Đề nghị phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thông thường**

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN** [1]..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: .../... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN (*)**

[2] .....

Kính gửi[3]: .....

**1. Thông tin chủ rừng:**

a) Tên chủ rừng [4]: .....

- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/HC[5]: .....

c) Địa chỉ chủ rừng[6]: .....

d) Số điện thoại:.....; địa chỉ email: .....

**2. Nội dung đề nghị phê duyệt:** Phương án khai thác [2]

.....

**3. Tài liệu gửi kèm:**

- *Bản chính Phương án* [2] .....
- *Tài liệu khác (nếu có)* .....

*....., ngày ... tháng ... năm .....*

**CHỦ RỪNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)*

***Ghi chú:***

(*) Mẫu này do chủ rừng, chủ lâm sản, hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc chủ rừng ủy quyền (viết tắt là chủ rừng) lập khi đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường.

[1] Tên chủ rừng, số văn bản nếu là tổ chức.

[2] Ghi trường một trong các trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 6 hoặc Điều 7 Thông tư này.

[3] Ghi rõ tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác theo quy định tại khoản 3 Điều 6 hoặc khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

[4] Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc ghi đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

[5] Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

[6] Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động với tổ chức; địa chỉ thường trú trên thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân.

**Mẫu số 11: Quyết định phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường**

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN** [1]..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: .../QĐ-... | *..., ngày... tháng... năm....* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**V/v phê duyệt phương án khai thác** [2]....

**THẨM QUYỀN NGƯỜI KÝ**

*Căn cứ*[3] ..... ;

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP, Nghị định số 227/2025/NĐ-CP và Nghị định số ...../2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số ..... (các quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững nếu có).....;*

*Căn cứ* ..... ;

*Xét đề nghị của* .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án khai thác chính/tận dụng/tận thu/gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ/thu thập mẫu vật loài thông thường của..... (tên tổ chức/cá nhân).....với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Địa danh khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã...)[4]: .....

2. Mã số rừng trồng hoặc số giấy chứng nhận chứng chỉ quản lý rừng bền vững (nếu có)[5]:.....

3. Diện tích khai thác (thống kê diện tích theo địa danh khai thác) [6]:....ha

4. Đối tượng khai thác [7]: .....

5. Phương thức khai thác [8]:.....

6. Hình thức khai thác [9]:.....

7. Sản lượng dự kiến khai thác[10]: gỗ... $m^3$; củi hoặc sản phẩm khác.... $m^3$;

lâm sản khác:.....tấn hoặc số lượng cây...

8. Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển, bãi gỗ [11] (áp dụng đối với tổ chức):.....

9. Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng [12]:.....

10. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác [13]:.....

11. Thời gian dự kiến khai thác[14]: từ ngày……tháng……..năm…….. đến……ngày…...tháng…....năm……

12. Các nội dung khác (nếu có): .....

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của chủ rừng:

2. Trách nhiệm của cơ quan liên quan:

3. .....

**Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

…..

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- .....;
- Các sở/cơ quan…;
- Lưu: VT,…

**CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN NGƯỜI KÝ**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

***Ghi chú:***

[1] Ghi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

[2] Ghi trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

[3] Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác.

[4] Ghi thông tin khu vực khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã).

[5] Ghi mã số vùng trồng, ngày cấp hoặc số giấy chứng nhận của chứng chỉ quản lý rừng bền vững (nếu có).

[6] Ghi diện tích khai thác: thống kê diện tích khai thác theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); rừng tự nhiên, rừng trồng.

[7] Ghi đối tượng khai thác tại quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này: đối với khai thác rừng trồng ghi loài cây trồng, năm trồng, cơ quan phê duyệt nguồn vốn.

[8] Ghi phương thức khai thác: khai thác chọn, khai thác trắng toàn bộ, khai thác trắng theo băng, khai thác trắng theo đám.

[9] Ghi hình thức khai thác: Chặt hạ hoặc hoặc đào, nhổ toàn bộ cây rừng (bao gồm các bộ phận của cây), vận chuyển ra khỏi rừng

[10] Ghi sản lượng dự kiến khai thác: đơn vị tính sản lượng khai thác là: $m^3$, ster, kg hoặc số lượng cây, mẫu vật hoặc số cây dự kiến đào, nhổ toàn bộ thân cây và sản lượng dự kiến.

(11) Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển: sử dụng hệ thống đường vận xuất đã có, hay mở mới hay kết hợp hệ thống đường lâm nghiệp khác đã có (đối với chủ rừng là tổ chức).

(12) Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng: nêu rõ các biện pháp như: băm dập cành ngọn sau khai thác.

(13) Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác: nêu rõ các giải pháp thực hiện như: trồng lại rừng, tái sinh rừng.

(14) Ghi thời gian bắt đầu và kết thúc khai thác dự kiến.